TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2020
V/v Không công nhận là vợ chồng giữa anh H chị H1.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Công Định
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cường
Ông Lê Ngọc Giới

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thẩm thụ lý số: 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 06 năm 2020 về việc "Không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1976 (vắng mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện LN, tỉnh BG

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H1 (tên gọi khác Vũ Thị H1), sinh năm 1979 (vắng mặt)
HKTT: Thôn 3, xã P, huyện LN, tỉnh BG
Địa chỉ: Thôn Tr, xã Đ, huyện LG, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/6/2020 cùng các lời khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H chung sống với chị Nguyễn Thị H1 năm 1995, trước khi về chung sống anh chị có được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương nhưng vì lý do khách quan nên anh chị không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới xong chị H1 về gia đình anh H chung sống và ở tại thôn 3, xã P, thời gian đầu tình cảm giữa anh chị hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018 giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống trong làm ăn phát triển kinh tế và sinh hoạt hàng ngày nên chị H1 đã đi thuê nhà ở riêng và vợ chồng anh ly thân từ đó cho đến nay. Nay

chị xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa anh chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài chị tha thiết đề nghị Tòa án không công nhận anh và chị Nguyễn Thị H1 là vợ chồng.

-Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 21/10/1996, Nguyễn Thị L1, sinh ngày 23/9/1999 và Nguyễn Khánh P, sinh ngày 13/7/2013. Nay ly hôn anh đồng ý để chị H1 nuôi con chung của hai vợ chồng, cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Anh Nguyễn Văn H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/6/2020 bị đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Quá trình anh chị chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn như anh Nguyễn Văn H đã trình bày là đúng. Nay anh H đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

-Về con chung: Con chung như anh Nguyễn Văn H trình bày chị xác nhận là đúng, nay ly hôn chị đề nghị được nuôi con chung là Nguyễn Khánh Phương, sinh ngày 13/7/2013, cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 11, 13, 85, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1.

2. Con chung: Giao chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Khánh P, sinh ngày 13/7/2013, cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này của mình.

Ngoài ra đại điện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra

chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Do anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Do vậy Tòa án xác định quan hệ tranh chấp "Không công nhận là vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn Văn H chung sống với chị Nguyễn Thị H1 năm 1995, trước khi về chung sống anh chị có được tự do tìm hiểu, thỏa thuận và tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống của địa phương nhưng vì lý do khách quan nên anh chị không đi đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau khi cưới xong chị H1 về gia đình anh H chung sống và ở tại thôn 3, xã P, thời gian đầu tình cảm giữa anh chị hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2018 giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng trong quan điểm sống trong làm ăn phát triển kinh tế và sinh hoạt hàng ngày nên chị H1 đã ra thuê nhà ở riêng và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn tình cảm giữa anh H, chị H1 đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài anh Nguyễn Văn H có nguyện vọng tha thiết đề nghị Tòa án không công nhận chị và chị Nguyễn Thị H1 là vợ chồng. Do anh chị về chung sống nhưng không đăng ký kết hôn nên căn cứ Điều 11, 13, 85, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000. Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1.

[3] *Về con chung*: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 có 03 con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 21/10/1996, Nguyễn Thị L1, sinh ngày 23/9/1999 và Nguyễn Khánh P, sinh ngày 13/7/2013, nay cháu Nguyễn Thị Linh, cháy Nguyễn Thị Luyến đã trưởng thành phát triển bình thường nên anh H, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Nguyễn Khánh P anh H và chị H1 thống nhất để chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng nên căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014 giao chị H1 trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Khánh P, sinh ngày 13/7/2013. Cấp dưỡng nuôi con chung anh H, chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác:* Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] *Về án phí:* Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí

theo biên lai số AA/2017/0004825 ngày 12/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 11, 13, 85, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Điều 24, Điều 26, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Quan hệ hôn nhân*: Xử không công nhận vợ chồng giữa anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 (tức Vũ Thị H1).

2. *Về Con chung*: Giao chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Khánh P, sinh ngày 13/7/2013, cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn H được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này của mình

3. *Về án phí:* Buộc anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0004825 ngày 12/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Công Định

HỘI THẨM NHÂN DÂN	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Nguyễn Duy Cường – Lê Ngọc Giới	**Đặng Công Định**